

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6-7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	8-9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	12-32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Cổ đông là các tổ chức: gồm 7 đơn vị nắm giữ 3.560.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ;
- Cổ đông cá nhân gồm:
 - + Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 4.677.295 cổ phần, chiếm 16,42% vốn điều lệ;
 - + 16 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 5% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 20.191.719 cổ phần, chiếm 70,87% vốn điều lệ;
 - + Các cổ đông khác nắm giữ 0,21% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2017 là 44 người (tại ngày 31/12/2016 là 71 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15/08/2017	
Bà Phương Minh Huệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	21/04/2014	15/08/2017
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT	15/08/2017	
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	21/05/2014	15/08/2017
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên	20/05/2016	15/08/2017
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên	15/08/2017	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	15/08/2017	
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên	15/08/2017	
Ông Vũ Văn Trung	Thành viên	15/08/2017	
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên	15/08/2017	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc	22/07/2017	
Ông Hồ Thanh Tiến	Tổng Giám đốc	21/05/2014	22/07/2017
Ban kiểm soát			
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban kiểm soát	15/08/2017	
Bà Đỗ Thị Huyền	Trưởng ban kiểm soát		15/08/2017
Bà Vũ Thị Lê Anh	Thành viên		15/08/2017
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	15/08/2017	
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên	15/08/2017	
Kế toán trưởng			
Ông Hoàng Hữu Điền		11/09/2017	
Bà Nguyễn Thị Thu Phương			11/09/2017

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đang hoàn thiện hồ sơ, làm thủ tục để đăng ký Công ty Cổ phần niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài vấn đề nêu trên xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Lê Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Số: 180/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017

của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2018, từ trang 8 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo kiểm toán độc lập số 120/VACO/BCKT.HCM phát hành ngày 11/05/2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần và nêu vấn đề cần nhấn mạnh, việc trong năm Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại thời gian trích khấu hao cho giá trị còn lại của tài sản đó từ 105 tháng thành 201 tháng làm giảm chi phí khấu hao năm 2016 so với năm 2015. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao này là phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Nguyễn Văn Thắng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0857-2018-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.317.779.979	224.778.731.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.981.606.386	14.919.919.318
1. Tiền	111	5.01	19.981.606.386	14.919.919.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.926.775.590	196.520.071.618
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	39.922.233.721	8.012.907.773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	13.053.979.275	167.774.156.185
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	10.950.562.594	20.733.007.660
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.409.398.003	13.338.740.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		333.174.043	96.974.594
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.074.540.299	13.241.765.723
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.683.661	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.005.698.721.829	795.065.429.872
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.699.358.255	173.433.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	14.699.358.255	173.433.000
II. Tài sản cố định	220		415.870.410.138	441.084.977.490
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.05	415.870.410.138	441.084.977.490
- Nguyên giá	222		550.149.462.558	546.967.649.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.279.052.420)	(105.882.672.087)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		573.905.615.216	352.409.988.096
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.06	573.905.615.216	352.409.988.096
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.223.338.220	1.397.031.286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		300.385.719	364.961.248
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	922.952.501	1.032.070.038
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.099.016.501.808	1.019.844.161.125

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		783.700.446.188	720.232.226.563
I. Nợ ngắn hạn	310		106.907.527.554	35.413.283.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	42.319.041.277	458.769.513
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	5.977.431.248	7.174.341.216
3. Phải trả người lao động	314		1.082.015.624	595.268.655
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	16.157.818.753	6.036.762.081
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	316.100.652	428.141.949
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	40.950.000.000	20.720.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		105.120.000	-
II. Nợ dài hạn	330		676.792.918.634	684.818.943.149
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	676.792.918.634	684.818.943.149
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		315.316.055.620	299.611.934.562
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	315.316.055.620	299.611.934.562
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.780.175.679	11.226.794.431
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.400.329.736	771.901.475
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.379.845.943	10.454.892.956
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	467		3.631.879.941	3.481.140.131
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.099.016.501.808	1.019.844.161.125

Kon Tum, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Kim Long


Hoàng Hữu Điền




Lê Văn Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	121.699.611.982	68.947.807.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		121.699.611.982	68.947.807.368
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	63.431.448.441	28.107.531.828
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		58.268.163.541	40.840.275.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		53.386.387	978.474.596
7. Chi phí tài chính	22	6.03	34.101.956.693	27.616.325.942
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>34.101.956.693</i>	<i>27.616.325.942</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.04	3.072.793.852	2.818.019.582
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.146.799.383	11.384.404.612
11. Thu nhập khác	31		11.869.054.541	1.516.725
12. Chi phí khác	32		12.977.005.019	265.450.643
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.107.950.478)	(263.933.918)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.038.848.905	11.120.470.694
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.508.263.152	642.168.722
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		17.530.585.753	10.478.301.972
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		17.379.845.943	10.466.184.897
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		150.739.810	12.117.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.05	602	530

Kon Tum, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Long



Hoàng Hữu Điền




Lê Văn Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.038.848.905	11.120.470.694
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	28.396.380.333	22.265.727.026
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.246.819)	(978.474.596)
- Chi phí lãi vay	06	34.101.956.693	27.616.325.942
- Các khoản điều chỉnh khác	07	109.117.537	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	82.593.056.649	60.024.049.066
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	50.397.952.132	54.843.683.356
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	3.133.574.571
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	85.337.385.650	(23.459.696.962)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(171.623.920)	(302.009.906)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.196.831.430)	(30.036.899.582)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(524.967.197)	(1.110.898.529)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(134.880.000)	(389.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	214.300.091.884	62.702.542.014
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(221.495.627.120)	(152.883.581.283)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	2.057.203.665
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.246.819	9.806.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(221.442.380.301)	(150.816.571.265)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	14.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	32.623.975.485	105.136.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.420.000.000)	(16.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.203.975.485	102.816.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.061.687.068	14.701.970.749
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.919.919.318	217.948.569
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.981.606.386	14.919.919.318

Kon Tum, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Kim Long


 Hoàng Hữu Điền




 Lê Văn Khoa

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

Cổ đông là các tổ chức: gồm 7 đơn vị nắm giữ 3.560.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ;

Cổ đông cá nhân gồm:

+ Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 4.677.295 cổ phần, chiếm 16,42% vốn điều lệ;

+ 16 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 5% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 20.191.719 cổ phần, chiếm 70,87% vốn điều lệ;

+ Các cổ đông khác nắm giữ 0,21% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 01 công ty con là Công ty TNHH Trung Việt (chiếm 98% vốn điều lệ) với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 202 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (Công ty TNHH Trung Việt) được lập cho đến ngày 31/12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư tại Công ty đó. Các giao dịch nội bộ phát sinh trong kỳ chưa được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 – Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không qua 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu B09-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	546.698.743	472.669.731
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.434.907.643	14.447.249.587
Cộng	19.981.606.386	14.919.919.318

5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	9.728.070.557	8.012.907.773
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Tân Phước	30.194.163.164	-
Cộng	39.922.233.721	8.012.907.773

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước bên liên quan	10.109.570.000	110.177.156.185
<i>Công ty Cổ phần Tấn Phát</i>	<i>10.109.570.000</i>	<i>110.177.156.185</i>
Trả trước cho người bán khác	2.944.409.275	57.597.000.000
<i>Công ty CP Xây dựng Thủy điện Việt Trung</i>	<i>1.337.357.000</i>	<i>57.000.000.000</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>1.607.052.275</i>	<i>597.000.000</i>
Cộng	13.053.979.275	167.774.156.185

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.04 Các khoản phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu khác ngắn hạn	10.950.562.594	-	20.733.007.660	-
- Phải thu tạm ứng	8.655.299.696	-	18.441.081.565	-
Tạm ứng bên liên quan	287.157.590	-	1.725.457.998	-
Ông Nguyễn Ngọc Tường	-	-	1.277.694.066	-
Ông Nguyễn Văn Quân	256.959.200	-	442.063.932	-
Ông Hồ Thanh Tiến	30.198.390	-	5.700.000	-
Tạm ứng đối tượng khác	8.368.142.106	-	16.715.623.567	-
Ông Trần Quang Chung	175.058.000	-	-	-
Ông Lê Văn Khoa	376.808.493	-	15.400.992.298	-
Ông Nguyễn Công Thành	6.835.807.908	-	-	-
Bà Bùi Thị Thanh Huyền	31.167.156	-	-	-
Các đối tượng tạm ứng khác	949.300.549	-	1.314.631.269	-
- Phải thu khác	2.295.262.898	-	2.291.926.095	-
Công ty TNHH nước Vìn (lợi nhuận được chia năm 2016)	968.668.243	-	968.668.243	-
Bà Đỗ Thị Bích Huyền	-	-	1.323.257.852	-
Bà Nguyễn Thị Hiền	2.946.802	-	-	-
Ông Nguyễn Công Thành	1.323.257.852	-	-	-
Các đối tượng khác	390.001	-	-	-
Phải thu khác dài hạn	14.699.358.255	-	173.433.000	-
- Phải thu tạm ứng	2.300.000.000	-	-	-
Nguyễn Công Thành	2.300.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)	173.433.000	-	173.433.000	-
- Phải thu dài hạn khác	12.225.925.255	-	-	-
Ông Nguyễn Công Thành	12.225.925.255	-	-	-
Cộng	25.649.920.849	-	20.906.440.660	-

5.05 Tài sản cố định hữu hình

ĐVT: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	542.803.120.934	486.754.545	3.554.463.006	123.311.092	546.967.649.577
Tăng trong năm	-	150.000.000	3.031.812.981	-	3.181.812.981
Mua trong năm	-	150.000.000	3.031.812.981	-	3.181.812.981
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	542.803.120.934	636.754.545	6.586.275.987	123.311.092	550.149.462.558
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	105.103.234.728	182.078.206	569.861.624	27.497.529	105.882.672.087
Tăng trong năm	27.403.491.600	134.751.508	817.033.529	41.103.696	28.396.380.333
Khấu hao trong năm	27.403.491.600	134.751.508	817.033.529	41.103.696	28.396.380.333
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	132.506.726.328	316.829.714	1.386.895.153	68.601.225	134.279.052.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	437.699.886.206	304.676.339	2.984.601.382	95.813.563	441.084.977.490
Tại 31/12/2017	410.296.394.606	319.924.831	5.199.380.834	54.709.867	415.870.410.138

Như trình bày tại thuyết minh 5.12, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là 362.568.973.801 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Công ty TNHH Trung Việt đang thế chấp toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc là nhà máy thủy điện Đắk Pía đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum (chi tiết thuyết minh 5.11 Vay và nợ thuê tài chính).

5.06 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án nhà máy thủy điện Dak Bla 1	573.905.615.216	352.409.988.096
Cộng	573.905.615.216	352.409.988.096

5.07 Lợi thế thương mại

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Số dư đầu năm	1.032.070.038	-
Tăng do mua công ty con	-	1.091.175.370
Phân bổ trong năm	109.117.537	59.105.322
Số dư cuối năm	1.032.070.038	1.032.070.048

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu B09-DN/HN****5.08 Phải trả người bán**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	24.373.209.497	24.373.209.497	458.769.513	458.769.513
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung	77.661.873	77.661.873	157.471.100	157.471.100
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Điện	-	-	118.990.000	118.990.000
Công ty Bảo hiểm toàn cầu Gia Lai	-	-	108.255.067	108.255.067
Công ty TNHH Tân An	-	-	-	-
Công ty TNHH Hưng Long	2.260.500.000	2.260.500.000	-	-
Công ty TNHH SXTM Huy Hùng Thịnh	2.794.802.250	2.794.802.250	-	-
Công ty TNHH TMDV Kim Nam Dung	2.178.000.000	2.178.000.000	-	-
Công Ty TNHH Sắt Thép Nguyên Minh	4.400.006.380	4.400.006.380	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Xăng Dầu PETIMEX	2.139.898.035	2.139.898.035	-	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Tây Nam PV	3.300.013.420	3.300.013.420	-	-
Công ty TNHH TM DV Tứ Hưng	2.200.027.555	2.200.027.555	-	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Xuân Tiến	4.763.047.850	4.763.047.850	-	-
Phải trả khách hàng khác	259.252.134	259.252.134	74.053.346	74.053.346
Phải trả người bán bên liên quan	17.945.831.780	17.945.831.780	-	-
Công ty CP Tấn Phát	17.945.831.780	17.945.831.780	-	-
Cộng	42.319.041.277	42.319.041.277	458.769.513	458.769.513

5.09 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp cuối năm
Phải nộp	7.174.341.216	13.910.495.151	15.107.405.119	5.977.431.248
Thuế giá trị gia tăng	-	1.543.697.156	639.788.683	903.908.473
Thuế TNDN	788.328.533	2.508.263.152	524.967.197	2.771.624.488
Thuế thu nhập cá nhân	7.530.306	47.340.602	28.458.649	26.412.259
Thuế tài nguyên	501.386.891	7.382.640.629	6.359.454.557	1.524.572.963
Thuế nhà đất	-	3.468.791	3.468.791	-
Thuế môn bài	-	7.500.000	7.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.877.095.486	2.417.584.821	7.543.767.242	750.913.065

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Lãi vay ngân hàng Agribank Kon Tum	-	4.306.640.398
Lãi vay ngân hàng Việt Á -CN Buôn Ma Thuột	16.157.818.753	1.730.121.683
Cộng	<u>16.157.818.753</u>	<u>6.036.762.081</u>

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Phải trả các bên liên quan	-	60.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Tường		60.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	316.100.652	367.741.949
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	39.571.069	333.752.797
Bảo hiểm y tế	35.554.486	4.970.222
Bảo hiểm thất nghiệp	15.797.206	2.208.986
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	210.056.150	11.688.203
Cộng	<u>316.100.652</u>	<u>428.141.949</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: VND

	01/01/2017		Phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng	20.720.000.000	20.720.000.000	40.650.000.000	20.420.000.000	40.950.000.000	40.950.000.000
- Công ty TNHH Trung Việt	3.120.000.000	3.120.000.000	20.000.000.000	3.120.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	17.600.000.000	17.600.000.000	20.650.000.000	17.300.000.000	20.950.000.000	20.950.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	684.818.943.149	684.818.943.149	32.623.975.485	40.650.000.000	676.792.918.634	676.792.918.634
- Công ty TNHH Trung Việt	397.540.024.515	397.540.024.515	32.623.975.485	20.000.000.000	410.164.000.000	410.164.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	287.278.918.634	287.278.918.634	-	20.650.000.000	266.628.918.634	266.628.918.634
Tổng	705.538.943.149	705.538.943.149	73.273.975.485	61.070.000.000	717.742.918.634	717.742.918.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Chi tiết khoản vay từng đơn vị

a. Công ty TNHH Trung Việt

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	3.120.000.000	3.120.000.000	3.120.000.000
Ngân hàng TMCP Việt á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (1)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Việt á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (1)	410.164.000.000	410.164.000.000	32.623.975.485	20.000.000.000	397.540.024.515	397.540.024.515
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum (2)	375.000.000.000	375.000.000.000	32.623.975.485	20.000.000.000	362.376.024.515	362.376.024.515
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum (2)	35.164.000.000	35.164.000.000	-	-	35.164.000.000	35.164.000.000
Tổng	430.164.000.000	430.164.000.000	52.623.975.485	23.120.000.000	400.660.024.515	400.660.024.515

1. Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (VAB) theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HDTDHDN ngày 15 tháng 5 năm 2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/05/2029 nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đắk Blal. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HDTDHDH-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 đồng. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 02 năm xây dựng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đắk Blal 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đắk Blal 1. Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đắk Blal 1. Bao gồm: Quyền phát sinh từ các khoản phát thu theo hợp đồng mua bán điện, Quyền phát sinh từ các nguồn thu có được từ việc thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM), Quyền phát sinh từ việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2. Khoản vay trên được vay từ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-300900523 ngày 12 tháng 06 năm 2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đắk Pía, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau), của chi nhánh Ngân hàng NN và PTNT - CN Kon Tum, cộng 3%/năm, tối đa bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đắk Pía.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

b. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Đơn vị: VND

	Phát sinh trong năm				Số có khả năng trả nợ	
	01/01/2017	31/12/2017	Tăng	Giảm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng (Nợ dài hạn đến hạn trả)	17.600.000.000	17.600.000.000	20.650.000.000	17.300.000.000	20.950.000.000	20.950.000.000
- Ngân hàng Agribank - CN kon Tum (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	3.150.000.000	2.000.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
- Ngân Hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	15.600.000.000	15.600.000.000	17.500.000.000	15.300.000.000	17.800.000.000	17.800.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	287.278.918.634	287.278.918.634	-	20.650.000.000	266.628.918.634	266.628.918.634
- Ngân hàng Agribank - CN kon Tum (i)	72.000.000.000	72.000.000.000	-	3.150.000.000	68.850.000.000	68.850.000.000
- Ngân Hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	215.278.918.634	215.278.918.634	-	17.500.000.000	197.778.918.634	197.778.918.634
Tổng	304.878.918.634	304.878.918.634	20.650.000.000	37.950.000.000	287.578.918.634	287.578.918.634

(i) Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tin dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-DN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tin dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐắkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐắkNe để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	83.384.000.000	14.616.604.225	-	98.000.604.225
Tăng vốn trong năm				
- Góp vốn trong năm	201.520.000.000	(17.000.000.000)	-	184.520.000.000
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại 15/06/2016	-	-	3.457.731.115	3.457.731.115
- Lợi nhuận trong năm	-	10.466.184.897	12.117.075	10.478.301.972
- Trích quỹ khen thưởng	-	389.260.000	-	389.260.000
- Tăng khác	-	4.761.241.605	11.291.941	4.772.533.546
- Giảm khác	-	1.227.976.296	-	1.227.976.296
Số dư tại ngày 31/12/2016	284.904.000.000	11.226.794.431	3.481.140.131	299.611.934.562
Số dư tại 01/01/2017	284.904.000.000	11.226.794.431	3.481.140.131	299.611.934.562
Tăng vốn trong năm	-	17.379.845.943	150.739.810	17.530.585.753
- Lãi trong năm nay	-	17.379.845.943	150.739.810	17.530.585.753
Giảm vốn trong năm	-	1.826.464.695	-	1.826.464.695
- Trích quỹ khen thưởng	-	240.000.000	-	240.000.000
- Giảm khác(*)	-	1.586.464.695	-	1.586.464.695
Số dư tại 31/12/2017	284.904.000.000	26.780.175.679	3.631.879.941	315.316.055.620

(*) Giảm khác là các khoản trích bổ sung tiền phí dịch vụ môi trường rừng từ tháng 01/06/2014 đến 31/12/2014, tiền lãi phải trả và chi phí kiểm toán BCTC.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Huy Cường	1.093.000	3,84%	4.678.231	16,42%
Nguyễn Ngọc Tường	4.677.295	16,42%	4.677.295	16,42%
Ông Trần Quang Chung	1.038.900	3,65%	9.566.969	33,58%
Ông Nguyễn Ngọc Trung	1.400.000	4,91%	9.566.969	33,58%
Ông Lưu Thanh Nghị	1.395.000	4,90%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Hoa	1.390.000	4,88%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Kim My	1.346.400	4,73%	-	0,00%
Ông Lý Văn Tài	1.353.200	4,75%	-	0,00%
Bà Ngô Thị Bích Trâm	1.367.500	4,80%	-	0,00%
Các cổ đông khác	13.429.105	47,14%	936	0,00%
Cộng	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu B09-DN/HN****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	83.384.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	201.520.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	240.000.000	17.389.260.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán điện	94.250.372.742	65.814.232.968
Doanh thu bán hàng	27.449.239.240	3.133.574.400
Cộng	121.699.611.982	68.947.807.368

6.02 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán điện	41.580.270.723	24.973.957.256
Giá vốn bán hàng	21.851.177.718	3.133.574.400
Cộng	63.431.448.441	28.107.531.656

6.03 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	34.101.956.693	27.616.325.942
Cộng	34.101.956.693	27.616.325.942

6.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.169.756.294	1.659.988.309
Chi phí đồ dùng văn phòng	205.397.467	42.806.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	528.766.738	218.325.804
Thuế phí và lệ phí	44.347.016	73.635.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.015.408.800	430.966.743
Chi phí bằng tiền khác	109.117.537	392.297.343
Cộng	3.072.793.852	2.818.019.582

6.04 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.459.091	142.569.489
Chi phí nhân công	4.392.953.532	3.589.475.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.741.238.583	22.185.317.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.435.478.271	1.236.263.309
Chi phí khác bằng tiền	2.874.538.726	638.350.802
Cộng	44.546.668.203	27.791.976.838

6.05 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LNPP cho cổ đông Công ty mẹ	17.379.845.943	10.466.184.897
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	240.000.000	389.260.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.139.845.943	10.076.924.897
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.490.400	19.023.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	602	530

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty đang hoàn thiện hồ sơ, làm thủ tục để đăng ký Công ty Cổ phần niêm yết tại sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài vấn đề nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Trung Việt

Công ty Cổ phần Tấn Phát

Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty

Mối quan hệ

Công ty con

Cùng thành viên HĐQT

Quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Công ty cổ phần Tấn Phát		
Mua hàng và dịch vụ	115.618.055.427	676.839.214
Thanh toán Công nợ	120.000.000	67.863.423.466
Số dư với bên liên quan		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải thu khác (Nợ TK138)		
Ông Nguyễn Công Thành	13.549.183.107	-
Phải thu tạm ứng (Nợ TK141)		
Nguyễn Văn Quân	256.959.200	-
Trần Quang Chung	175.058.000	-
Lê Văn Khoa	376.808.493	-
Nguyễn Công Thành	6.835.807.908	-
Hồ Thanh Tiến	30.198.390	-
Trả trước người bán (Nợ TK331)		
Công ty cổ phần Tấn phát	28.050.401.779	15.780.000.000
Phải trả khác (Có TK 338)		
Nguyễn Ngọc Tường	4.500.000	-
Hồ Thanh Tiến	13.424.328	-
Nguyễn Văn Quân	4.500.000	-
Lê Văn Khoa	4.500.000	-

Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc	515.854.887	237.067.363

7.3 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.981.606.386	14.919.919.318
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.616.854.874	10.478.266.868
Cộng	74.598.461.260	25.398.186.186
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	717.742.918.634	705.538.943.149
Phải trả người bán và phải trả khác	42.529.097.427	545.979.457
Chi phí phải trả	16.157.818.753	6.036.762.081
Cộng	776.429.834.814	712.121.684.687

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Tầng 3 – Tòa nhà Lô T2 – Khu công nghiệp Hòa Bình – TP. Kon Tum – Tỉnh Kon Tum

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu B09-DN/HN**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	31/12/2017		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.981.606.386	-	19.981.606.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.217.496.619	12.399.358.255	54.616.854.874
Tổng tài sản tài chính	62.199.103.005	12.399.358.255	74.598.461.260
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	42.529.097.427	-	42.529.097.427
Chi phí phải trả	16.157.818.753	-	16.157.818.753
Các khoản vay	40.950.000.000	676.792.918.634	717.742.918.634
Tổng công nợ tài chính	99.636.916.180	676.792.918.634	776.429.834.814
Chênh lệch thanh khoản thuần	(37.437.813.175)	(664.393.560.379)	(701.831.373.554)

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – CN Thành phố Hồ Chí Minh với ý kiến chấp nhận toàn phần và nêu vấn đề cần nhấn mạnh, việc trong năm Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại thời gian trích khấu hao cho giá trị còn lại của tài sản đó từ 105 tháng thành 201 tháng làm giảm chi phí khấu hao năm 2016 so với năm 2015.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Long



Hoàng Hữu Điền



Lê Văn Khoa